

Bản án số: 1889/2022/KDTM-ST

Ngày: 22/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1398/2022/TLST-KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 268/2022/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất K; địa chỉ: Quốc lộ 13, Khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp: Ông Phạm C; địa chỉ: Đường T, phường L, thành phố T, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2022)

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần I; địa chỉ: Số 363 đường Nguyễn Xí, Phường 13, quận B, Thành phố H

Đại diện hợp pháp: Ông Bùi H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2022, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất K và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/10/2020, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất K (sau đây gọi là nguyên đơn) cùng Công ty Cổ phần I (sau đây gọi là bị đơn) có ký hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo nội dung của hợp đồng nêu trên thì nguyên đơn bán mặt hàng là các loại sơn, chất phủ và các sản phẩm khác cho bị đơn với số lượng, chủng loại theo đơn đặt hàng từng đợt, đơn giá tại thời điểm đặt hàng (chưa bao gồm thuế VAT), đơn giá có thể thay đổi theo thông báo

giá của nguyên đơn. Thời hạn thanh toán tiền là 30 ngày kể từ ngày bên nguyên đơn xuất hóa đơn tài chính cho bên bị đơn, nếu quá thời hạn thanh toán nêu trên mà chưa thanh toán thì bị đơn phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất vay kỳ hạn 6 tháng của Ngân hàng Vietcombank trên số dư chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Sau khi hai bên ký hợp đồng, các bên đã giao, nhận số lượng hàng hóa kể từ ngày 01/10/2020 đến ngày 27/02/2021 là 10.126 kg hàng, tương ứng với số tiền 496.073.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 340.684.000 đồng. Theo Công văn số 082021/INH-CV ngày 25/11/2021, thì bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 180.389.000 đồng và đề nghị được thanh toán làm 05 đợt, mỗi đợt là 36.077.800 đồng, bắt đầu từ ngày 30/12/2021 và đợt thanh toán cuối cùng là ngày 30/4/2022. Ngày 17/01/2022, bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 26.000.000 đồng và từ đó đến nay không thực hiện tiếp nghĩa vụ trả số tiền còn lại là 154.389.000 đồng mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 154.389.000 đồng và trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 01/5/2022 (là ngày tiếp theo của thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 30/4/2022) đến ngày Tòa án xét xử vụ án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

Ngày 16/9/2022, nguyên đơn nộp đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc là 154.389.000 đồng.

Bị đơn là Công ty Cổ phần I, người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng Công ty Cổ phần I, người đại diện hợp pháp của bị đơn không đến Tòa án giải quyết vụ án và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ và lãi chậm trả trong hợp đồng mua bán hàng hóa, mặt hàng là các loại sơn, chất phủ và các sản phẩm khác, bị đơn có trụ sở tại quận B, Thành phố H nên căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; người đại diện của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 16/9/2022 nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc là 154.389.000 đồng.

Theo Công văn số 082021/INH-CV ngày 25/11/2021 về việc Thỏa thuận điều khoản thanh toán công nợ của bị đơn gửi cho nguyên đơn, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 180.389.000 đồng và đề nghị được thanh toán làm 05 đợt, mỗi đợt là 36.077.800 đồng, bắt đầu từ ngày 30/12/2021 và đợt thanh toán cuối cùng là ngày 30/4/2022. Căn cứ Giấy báo nợ/có ngày 17/01/2022 thì bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn số tiền 26.000.000 đồng với nội dung để thanh toán tiền mua hàng. Như vậy, bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán của mình và còn nợ lại nguyên đơn số tiền là 154.389.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại về nghĩa vụ thanh toán của bên mua, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền mua hàng còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 7.719.450 đồng. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280, Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 24, 50 và 306 của Luật Thương mại; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất K:

Công ty Cổ phần I phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất K số tiền nợ theo Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 01/10/2020 là 154.389.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất K về việc yêu cầu Công ty Cổ phần I trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần I phải chịu án phí là 7.719.450 đồng (Bảy triệu bảy trăm mười chín nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Hoàn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất K tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.439.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0050137 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ ... phút, ngày .../8/2022, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Nhơn

2/ Bà Lâm Thị Hoàng Anh

Đã nghị án vụ án vụ án thụ lý số 1398/2022/TLST-KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất K**; địa chỉ: Số 606/15/8 Quốc lộ 13, Khu phố 4, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Châu Thanh, sinh năm 1995, theo Giấy ủy quyền ngày 27/5/2022; địa chỉ: Số 5B đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố Bình Hòa, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

Bị đơn: **Công ty Cổ phần I**; địa chỉ: Số 363 đường Nguyễn Xí, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quốc Hoài; địa chỉ: Số 363 đường Nguyễn Xí, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết với tỉ lệ 3/3 các vấn đề sau đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280, Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 74, Điều 117 Bộ luật

Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần I phải chịu án phí là ... đồng, nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần I có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản kết thúc vào lúc ... giờ ... phút cùng ngày. Các thành viên trong Hội đồng xét xử tự đọc lại biên bản, xác nhận đúng và ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh